

Hoàng Sa Trường Sa theo Chính sách Trung Quốc

Năm 1939 Nhật Bản phát động Chiến Tranh Thái Bình Dương, chiếm 3 đảo ở Hoàng Sa và ra Tuyên Cáo đòi chủ quyền ở Hoàng Sa Trường Sa. Đây là một hành động xâm lăng vô trang đả kích hiệp ước Mười Trung Hoa Nam với Mười Trung Đông Bộ ở Nam Kinh Thành phố Hồng Kông. Trước nguy cơ đe dọa an ninh lãnh thổ, Trung Quốc không lên tiếng phản đối. Và như vậy đã khẳng định chủ quyền ở Hoàng Sa Trường Sa.



Tháng 4-1956, thỏa thuận quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Geneva 1954, Trung Quốc chiếm 7 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm An Vĩnh phía đông bắc. Và tháng 1-1974, thỏa thuận quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam theo Hiệp Định Paris 1973, Trung Quốc vẫn duy trì toàn bộ chiếm 6 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Lôi Liếm phía tây nam.

Tại Paris Giáo Sĩ Hoàng Xuân Hãn nhận định rằng: “Hoàng Sa là đất của nước Việt Nam thế hệ trước. Khi Việt Nam còn chia đôi thì chúng ta không có thể đứng đầu đình đòi hỏi quyền đảo này”. Do đó mục tiêu giành lại chủ quyền Hoàng Sa Trường Sa phải có sự đoàn kết quốc dân

trong một cuộc gia đình như t.

Từ 1974 đến nay đã 36 năm, thời gian cho bất nh này đã trôi qua không chính xác.

Vì ngày nay đất nước ta đã thống nhất. Và toàn dân ta, với trên 85 triệu người Việt trong và ngoài nước, đã đứng tâm nhất trí đứng lên đấu tranh đòi lại những hợp đồng và hợp pháp đã mất. Tuy mà, theo chiều hướng hiện tại, càng ngày chúng ta càng mất chủ quyền lãnh thổ tại Bất động Hải. Lý do không phải vì đất nước chúng ta bị chia phân, mà vì chúng ta có một chính quyền đi trái lòng dân.

Đứng Công Sơn không cho người dân đứng lên đấu tranh bảo toàn đất đai và hành sự quyền yêu nước bằng những cuộc biểu tình và những quy mô và đứng lên khắp nơi trên thế giới làm cho những đồng luật quốc tế và chính trị nhân loại. Đứng thời gây áp lực buộc các xâm lược phải chùn bước xâm lăng và phải tôn trọng danh dự và chủ quyền của họ. Và phải ngừng vào bàn hợp nghị để các cơ quan quốc tế đưa ra những giải pháp công bằng và hợp lý theo tinh thần và bản văn Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Bất động mà Trung Quốc đã ký kết năm 1982 cùng với Việt Nam và 117 quốc gia khác. Công ước này có hiệu lực chấp hành từ năm 1994.

Qua năm 1995 có hơn 170 quốc gia đã ký kết và tham gia Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Bất động 1982. Cũng như Công ước Quốc tế về Nhân quyền Dân sự và Chính trị 1966, đây là một văn kiện chính thức và chính sự mà hầu hết các quốc gia trên thế giới phải tôn trọng và thực thi.

Đưa ra gồm 7 phần nước và 3 phần đất. Nếu có các Công ước Quốc tế cho Con Người thì các quốc gia thì cũng phải có Công ước Quốc tế về Luật Bất động cho các Quốc gia.

Đề nghị quy định những tranh chấp về hợp pháp và hợp đồng, phải dứt điểm trên 3 bình diện: pháp lý, địa lý và lịch sử. Ở đây, có 3 bình diện được tập trung trong một văn kiện duy nhất: Đó là Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Bất động. Công ước này là một tài liệu lịch sử và đứng thời là một trong những văn kiện pháp lý quan trọng nhất trong lịch sử loài người.

Theo Công ước sẽ phân định chủ quyền hợp pháp và các hợp đồng còn phải căn cứ vào vị trí

địa lý là kho tàng cách tính toán biển.

Hai nguyên tắc hàng đầu của Luật Biển là:

1. Dành cho các quốc gia duyên hải quy định đánh cá và khai thác dầu khí tại vùng biển gần bờ.
 2. Duy trì tự do hàng hải tại vùng biển ngoài hải phận của các quốc gia duyên hải.
- Công ước Luật Biển gồm 200 trang và 400 điều. Đó có một ý nghĩa to lớn quát chúng ta tham chiếu vào 2 điều: Điều 76 về Thềm Lục Địa; và Điều 8 về Biển Lãnh Thổ.

A. Điều 76 về Thềm Lục Địa

Chiều Điều 76 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển các quốc gia duyên hải được hàng quy chế Thềm Lục Địa 200 hải lý (370km) để thăm dò và khai thác dầu khí. Đây là chế quy định tuy nhiên đòi hỏi và được quy định chuyên sâu, không tùy thuộc vào điều kiện phân bố có sự chi phí lớn, khai phá hay công bố minh bạch. Mọi sự tiến triển chi phí của các quốc gia ngoài bang, dầu có vô trang hay không, đều bắt buộc pháp, vô giá trị và vô hiệu lực.

Trong Thụ Chiếu II Nhật Bản chi m Hoàng Sa Trùng Sa thuộc hải phận của các quốc gia duyên hải tại Đông Nam Á như Việt Nam, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân và Trung Hoa. Sự chi m của này không có giá trị pháp lý. Khi Chiếu Tranh chấp đất các Quốc Gia Đông Minh công nhận Quốc Gia Việt Nam có chế quy định tại các hải đảo Hoàng Sa Trùng Sa trong Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951.

Vùng hải phận của các quốc gia duyên hải gồm có Đường Căn Bản hay Đường Cơ Sở (Baselines) cùng với Biển Lãnh Thổ (Territorial Sea) và Thềm Lục Địa (Continental Shelf) được thi là Vùng Đặc Quyền Kinh Tế (đánh cá) (Exclusive Economic Zone).

1. Đường Căn Bản thông thường là lằn mốc thủy triều xuống thấp. Vùng biển Việt Nam có nhiều cù lao hay cồn đảo như Cù Lao Chàm tại Quảng Nam, Cù Lao Ré tại Quảng Ngãi, Cù Lao Hòn tại Phan Thiết cùng các đảo Phú Quý, Côn Sơn và Phú Quốc tại miền đông nam và cực nam. Trong trường hợp này Việt Nam có thể vẽ Đường Căn Bản từ 8 đến 15 hải lý (Cù Lao Ré cách biển Việt Nam 12 hải lý).

2. Biên Lãnh Thổ rộng 12 hải lý là vùng biển nội tiếp Đàng Cổng Căn Bản ra khơi.

3. Thềm Lục Địa Pháp Lý 200 hải lý trùng điệp với Vùng Đàng Quyển Kinh Tế (đánh cá).

4. Thềm Lục Địa Đàng Chết hay Thềm Lục Địa Mờ Rờng có thể đến 350 hải lý. Với mặt đàng chết và đàng hình, đáy biển Hoàng Sa là sập tiếp nối tự nhiên của lục đàng Việt Nam tiếp nối kéo dài ra ngoài biển. Chiếu Đàng 76 Luật Biển, Việt Nam có quyền đàng cộ Ban Đàng Ranh Thềm Lục Địa Liên Hiệp Quốc cho mở rộng Thềm Lục Địa Pháp Lý 200 hải lý thành Thềm Lục Địa Đàng Chết hay Thềm Lục Địa Mờ Rờng đến 350 hải lý (650km).

Theo các chuyên viên quốc tế như Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf tại Pháp và các Luật Sĩ Covington và Burling tại Hoa Kỳ, với phương đàng đàng khoa học kộ thuật, Việt Nam có quyền triền vớng đàng mở rộng Thềm Lục Địa tại các vùng biển Hoàng Sa và Tràng Sa 200 hải lý đến mở c 350 hải lý.

Trong khi chiếu Đàng Liên Hiệp Quốc đàng ranh Thềm Lục Địa Mờ Rờng, ngày nay vùng hải phận luật đàng của Việt Nam có chiếu rộng 200 hải lý Thềm Lục Địa, cộ 12 hải lý Biên Lãnh Thổ, và khoàng 8 hải lý Đàng Cổng Căn Bản, tổng cộ là 220 hải lý.

Với mặt Đàng Lý

a. Tại quần đàng Hoàng Sa, đàng Tri Tôn cách Quần Ngãi 135 hải lý, và đàng Hoàng Sa cách cách lục đàng Việt Nam 160 hải lý. Như vậy quần đàng Hoàng Sa nằm trong Thềm Lục Địa 200 hải lý và trong hải phận 220 hải lý của Việt Nam.

Tại quần đàng Tràng Sa, Bãi Thanh Long Tàng Chính và đàng Tràng Sa cách lục đàng Việt Nam 150 đến 220 hải lý. Vì vậy Bãi Tàng Chính và đàng Tràng Sa nằm trong Thềm Lục Địa 200 hải lý và hải phận 220 hải lý của Việt Nam.

Chiếu Đàng 76 Công cộ Luật Biển các hải đàng này thuộc chiếu quyển tuyể tiếp của Việt Nam. Bật cộ sập chiếu mớng nào của ngoặ bang (như Nhật Bản trờ c kia và Trung Quốc hiện nay) đàng vô giá trị và vô hiệ lực. Hôn nộ a, sập xâm chiếu này đi trái với Đàng 2 Hiệ Chàng Liên Hiệp Quốc (cộ mớ o hành). Như ng sập chiếu mớ do bớ đàng võ trang không có giá trị và hiệ lực pháp lý. Vì bớ o hành, đàng kéo dài bao lâu, cũng không làm mất tính bớ o hành của nó. Trong khi đó các đàng Hoàng Sa cách Hoa Lục 270 hải lý, và các đàng Tràng Sa cách lục đàng Trung Hoa 550 đến 800 hải lý nên không nằm trong Thềm Lục Địa Trung Hoa.

Vết mốc Địa Chết

Năm 1925, Tiến Sĩ Khoa Học Armand Krempf, Giám Đốc Viện Hải Học Đông Dương, sau 2 năm nghiên cứu về địa chất (đất đai, cây cỏ và sinh vật), đo đạc và vẽ bản đồ các hải đảo và đáy biển Hoàng Sa, đã lập phúc trình kết luận rằng: “Vết mốc địa chết các đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam”. (Geologiquement les Paracels font partie du Vietnam).

Vết mốc địa hình, các đảo Hoàng Sa là một cao nguyên chìm dưới đáy biển nơi tiếp xúc địa Việt Nam. Độ sâu nhất tại vùng biển Hoàng Sa là 900m. (Trong quá trình hình thành Biển Đông Hải, mức nước đã rút xuống 4000m). Ngày nay nếu nước biển rút xuống 900m thì các đảo Hoàng Sa sẽ biến thành một dãy hành lang chằng chịt nối liền từ Trường Sa qua Cù Lao Ré đến các đảo Tri Tôn, Hoàng Sa và Phú Lâm. (Phúc Trình Krempf về Hoàng Sa được lưu trữ tại Văn Khố Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris).

Trong khi đó tại Hoàng Sa và các đảo Trung Hoa có một rãnh biển sâu tới 2300m. Như vậy, vết mốc địa chết và địa hình, đáy biển Hoàng Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của các đảo Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển. Trong trường hợp này Trung Hoa không được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng.

Tại Trường Sa cũng vậy. Tại Bãi Thanh Long Chính, nơi khai thác dầu khí, độ sâu chỉ tới 400m, và tại Đảo Trường Sa và Côn An Bang, độ sâu chỉ tới 200m. Như vậy vết mốc địa chết và địa hình, đáy biển Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của các đảo Việt Nam từ đất liền ra ngoài biển. Theo quan điểm của các Luật Sĩ Covington và Burling trong Bản Tin Trường Sa Tháng 6-1995, vùng biển Trường Sa có trị giá về kinh tế hàng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng quá 200 hải lý đến mức 350 hải lý.

Trong khi đó tại Trường Sa và Hoa Lục có một rãnh biển sâu tới 4550m. Như vậy các đảo Trường Sa không phải là sự tiếp nối tự nhiên của các đảo Trung Hoa từ đất liền ra ngoài biển. Và Trung Quốc không được hưởng quy chế Thềm Lục Địa Mở Rộng 350 hải lý. Dù sao, trong một trường hợp, khoảng cách từ Hoa Lục tới đảo Trường Sa là 750 hải lý (quá xa hơn 350 hải lý Thềm Lục Địa Mở Rộng nếu có).

Tháng 5-2009 là thời hạn chót để các quốc gia duyên hải tiếp cận Bản Phúc Trình về Thềm Lục Địa Mở Rộng căn cứ vào những yêu cầu khoa học kết thúc do Liên Hiệp Quốc ấn định. Thay vì để trình hồ sơ Thềm Lục Địa Mở Rộng, Trung Quốc chấp nhận tạm biến đổi hình chế U mà hình thức là Biên Thù Chiếm Lấn của Trung Quốc. Tuy nhiên “biên thù” này cách xa bờ biển Trung Hoa đến 2000km nên không được chấp nhận là biên thù của một đất nước (Trung Hoa) hay biên thù

cả mặt hải đảo (Hải Nam). Vì không nêu ra được mặt yếu tố pháp lý, địa lý hay lịch sử nào đáng tin cậy để đòi chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa nên Trung Quốc lý sự rằng vùng hải phận này là Biển Lịch Sử của Trung Quốc từ hàng ngàn năm nay.

B. Điều 8 về Biển Lịch Sử hay Lưỡi Rìu Trung Quốc.

Biển Kinh giới Biển Lịch Sử là Lưỡi Rìu Trung Quốc (những dân gian thường gọi là Lưỡi Bò). Nó chiếm 80% hải phận Biển Đông Nam Á và nằm sát bên biển các quốc gia duyên hải, cách Quần Ngãi 40 hải lý, cách Phi Luật Tân và Mã Lai 25 hải lý. Nó được đo từ ít nhất 160 hải lý của Thềm Lục Địa Pháp Lý Việt Nam, và 175 hải lý của các Thềm Lục Địa Pháp Lý Phi Luật Tân và Mã Lai. Đây hiển nhiên là sự vi phạm thô bạo Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển dành cho quy định chuyên biệt cho các quốc gia duyên hải được hưởng tối thiểu 200 hải lý Thềm Lục Địa Pháp Lý để thăm dò và khai thác dầu khí, kể cả 12 hải lý Biển Lãnh Thổ nội tiếp Đường Căn Bản từ biển ra khơi.

Ngày nay Thuyết Biển Lịch Sử của Trung Quốc đã bị Luật Pháp và Tòa Án bác bỏ. Theo Tòa Án Quốc Tế “biển lịch sử chỉ là nội hải”.

Chiều Điều 8 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển: “Ngoài trừ trường hợp các quốc gia quần đảo [như Phi Luật Tân hay Nhật Bản], biển lịch sử hay nội hải của một quốc gia nằm trên đất liền, về phía bên trong Đường Căn Bản của Biển Lãnh Thổ” (The International Court of Justice has defined “historic waters as internal waters”. Waters on the landward side of the baseline of the Territorial Sea form part of the internal waters of the State” Art. 8 LOS Convention 1982).

Theo học giả Mark J. Valencia tại Viện Hội Đông Tây Hawaii (East-West Institute) yêu sách của Trung Quốc về Biển Lịch Sử không được Luật Pháp và Tòa Án chấp nhận. Ngày nay càng ngày dòng luận quốc tế càng phê phán và chế giễu Lưỡi Rìu Trung Quốc là khôi hài và vô稽 (China’s claim is being increasingly criticized and even ridiculed: China and the South China Sea Disputes, Mark J. Valencia, Oxford University Press. October 1995).

Theo quan điểm của các Luật Sư Covington và Burling đăng trên Asian Wall Street Journal tháng 6-1995 “lập trường của Trung Quốc hoàn toàn đi trái với những điều khoản căn bản về Luật Quốc Tế” [như Điều 76 và Điều 8 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển].

Cũng trên Asian Wall Street Journal tháng 7-1995, người viết, nhân danh Hội Luật gia Việt Nam tại California, đã trình các nguyên nhân quốc gia trong tổ chức ASEAN bình thường trình vấn đề tranh chấp tại Biển Đông Nam Á trên phương diện pháp lý và địa lý. Theo các quan sát viên quốc tế vẫn thì đây là ra giải đáp vấn pháp lý, địa lý và lịch sử cho vấn đề tranh chấp giữa các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc. Bằng phương pháp tranh nghị để đi đến hòa bình. (Paracels Forum: The Discussion Proceeds for Peace: Asian Wall Street Journal, July 1995)

Như vậy với 3 phương diện pháp lý, địa lý và lịch sử, Trung Quốc không trình được một lý lẽ hay tài liệu đáng tin cậy nào để chứng minh rằng Hoàng Sa Trường Sa thuộc chủ quyền của họ. Với chính sách bá quyền, Đệ Quốc Đệ Hán đã rập theo khuôn mẫu trước kia của Đệ Quốc La Mã đòi chủ quyền lãnh thổ toàn vùng Biển Đông Trung Hoa mà họ gọi là “Biển Lành Sĩ Của Chúng Tôi!”. Đây là một quan niệm lỗi thời hàng ngàn năm nay.

Vấn đề này chúng ta nhìn nhận nhà cầm quyền Bắc Kinh rằng: Trong thế kỷ này và dẫu ở vòm trời này, không có điều gì, việc gì, hay vấn đề gì là bất khả tranh nghị. Với một tinh thần, văn hóa và đạo lý, Trung Quốc không thể nói một đảng làm một nước. Họ phải tôn trọng danh dự quốc gia và chủ quyền của họ trong Công ước.

Họ phải công khai hóa vấn đề tranh chấp và phải đưa ra trước thanh thiên bạch nhật những tài liệu và quan điểm cho biết tại sao và căn cứ vào đâu mà đòi trước đó chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia Đông Nam Á tại các thềm lục địa như đã quy định trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 mà họ đã ký kết tham gia với tư cách một trong Ngũ Cường hội viên thường trực Hội đồng Bảo An có quyền phủ quyết? Nếu không đưa ra được sự giải thích hợp lý và các cơ sở pháp lý thì Trung Quốc vẫn chỉ là kẻ sai Luật Rừng Xanh theo chủ trương Mạnh Địch Cừu Thua của loài cầm thú. Đệ trước đó 4/5 Thềm Lục địa Pháp Lý của Việt Nam, và 7/8 Thềm Lục địa Pháp Lý của Phi Luật Tân và Mã Lai.

Trung Quốc phải hay biết rằng Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982 là một văn kiện pháp lý đúng thì là một tài liệu chính sách mà trên 170 quốc gia hội viên Liên Hiệp Quốc phải tôn trọng và thực thi.

Ngoài Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, còn có một nhu cầu tài liệu lịch sử rút ra từ chính sách Trung Quốc theo đó chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa đã được thừa nhận bởi các quốc gia trên thế giới.

C. Trung Quốc Không Có Chủ Quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa Trường Sa

1. Như đã trình bày, năm 1939, Chính Phủ Trùng Khánh không phnđi hành vi xâm lăng của Nhật Bản tại Biển Đông Hội và như vậy đã khđc tđ chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa Trường Sa.

2. Trong Tuyên Cáo Cairo 1943, Tổng Thống Tưởng Giới Thạch không đòi Hoàng Sa Trường Sa, và như vậy cũng đã khđc tđ chủ quyền tại hai quần đđo này.

3. Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951 không thđa nhđn chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng Sa Trường Sa. Trong mđt phiên Khoáng Đđi Hội Nghị, Ngoại Trưởng Liên Xô Andrei Gromyko đđ trình Tu Chính Án yêu cầu trao Trường Sa và Hoàng Sa cho Trung Quốc. Tu Chính Án này đã bđ Đđi Hội bác bỏ vđi 46 phiđu chđng, 3 phiđu thuđn và 1 phiđu trđng. Sau đđ Thđ Tưởng Trđn Văn Hđu, Trđng Phđi Đoàn Quốc Gia Việt Nam lên đđn đđn công bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa và không gđp sđ phđn kháng nào của 51 quốc gia tham đđ Hội Nghị.

4. Chủ Quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa đđ đđ xác nhđn trong Hiệp Đđnh Geneva 1954 nđi Đđu 4: “Giđi tuyđn giđa Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam (Vđ Tuyđn 17) kéo dài ra ngoài hđi phđn theo mđt đđ đđng thđng góc vđi đđ đđng ven biđn. Lđc đđng Liên Hiệp Pháp (gđm có Quốc Gia Việt Nam, Pháp và đđng minh) phđi rút khđi tđt cđ các hđi đđo tđi phđa Bắc giđi tuyđn (Vđ Tuyđn 17). Quân đđi Nhân Dân Việt Nam (Bđc Việt) phđi rút khđi tđt cđ các hđi đđo tđi phđa Nam giđi tuyđn” (Vđ Tuyđn 17) nđi tđa đđc các quần đđo Hoàng Sa và Trường Sa (tđ vĩ tuyđn 17 đđn vĩ tuyđn 7, tđ Quđng Trđ xuđng Nam Cà Mau). Đđi vđi Trung Quốc, Công đđc Liên Hiệp Quốc vđ Luật Biđn 1982 và Hiệp Đđnh Geneva 1954 là nhđng tài liđu rút ra tđ chính sđ Trung Quốc.

5. Ngoài Công đđc Liên Hiệp Quốc vđ Luật Biđn, trong chính sđ Trung Quốc còn cđn “Lđch Sđ Trung Quốc Thđi Trung Cđ” do Hàn Lâm Viđn Trung Quốc xuđt bđn tđi Đđi Bắc năm 1978 trong đđ có đđn nhđ sau: “Suđt chiđu dài đđch sđ dân tđc Trung Hoa không tha thiđt đđn đđi đđ đđng. Theo nhđng tài liđu đđch sđ chính thđng, thđn hođc nhà cđm quyđn Trung Hoa cũng gđi nhđng đđn thám hiđm đđn Nhật Bản trong các thđ kđ thđ ba và thđ hai Trđng Công Nguyên, và tđi Đông Nam Á, đđ Đđ, Ba Trđ và Đông Phi Châu trong thđ kđ 15. Đđm rõ nét nhđt là tđi Thái Bình Đđ đđng có rđt ít, nđu không nói là không có, nhđng vđ xâm nhđp quy mô của Trung Quốc” suđt chiđu dài đđch sđ tđ đđi Đđ Quốc Tđn Hán thđ kđ thđ ba Trđng C. N. đđn đđi Nhà Thanh tđ thđ kđ 17 đđn thđ kđ 20.

Đời Nhà Hán, theo chính sách, trong thời kỳ nhà Triệu của C.N., Hán Nguyên Đế (48-33 Trước Công Nguyên) đã rút quân khỏi đất nước Nam, mãi mãi đời nhà Lê và nhà Tùy vào cuối thời kỳ 6 mới đi tới quy định cai trị. Nước Nhà Hán đã bỏ nước Nam thì cũng không chiếm nước Hoàng Sa Trường Sa, cách nước Nam từ 150 đến 450 hải lý về phía nam.

Đời Nhà Đường, các sứ giả thường xuyên về nước ngoài như Giao Châu (Việt Nam) như đất Chiết Châu Đông (Nhóm An Vĩnh, Hoàng Sa) trong đó có nhiều thời kỳ khi các thuyền ngoài biển có đóng chốt suốt không đi qua đường.

Đời Nhà Tống, trong hai thời kỳ 10 và 11, quân Tống đã 3 lần đánh nước quân Trung Quốc: Lần đầu tiên, năm 981, Lê Đại Hành phá đất nước quân của Lưu Trọng Thuận ở Bình Định Giang; trong hai năm 1075 và 1076, Lý Thường Kiệt đánh nước quân Nhà Tống ở Quảng Đông, Quảng Tây và trên sông Nhị Kiều và sông Phú Lương. Sau 3 phen thất trận, theo trình tâu của hoàng thân Triệu Nhân Quát, vua Tống Thần Tông đã theo chính sách Tống Võ Ái Nhân (thời chiến tranh vĩ đại, thời kỳ rút lui, không phải binh lực làm chiến tranh) để thừa nhận nước Tống và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tống.

Đời Nhà Nguyên, trong thời kỳ 13, vào nước năm 1257, 1284 và 1287, nước ngoài đời Nhà Tống, quân Tống đã ba lần đến nước phá vỡ kế hoạch Nam Tiến của Mông Cổ. Đầu thời kỳ này, nước ngoài ở Thành Cát Tư Hãn, quân Mông Cổ đã thôn tính toàn bộ đất đai Á Châu 6 ngàn dặm đến nước Nam Nga và Hung Gia Lợi về phía bắc, và đến Ba Tư về phía nam. Nước ngoài chỉ nước này của Tống đất quân sự thời kỳ ghi là vô tận khoáng hải.

Sau ba phen thất bại, Nhà Nguyên không còn dòm ngó Việt Nam từ trên biển đất đai ngoài hải đảo. Và trong các thời kỳ 13 và 14, theo chính sách, quân Mông Cổ không xâm chiếm Hoàng Sa Trường Sa. Sách kiến này được xác nhận trong cuốn “Tranh Chấp Tiểu Bộ C Nam Hoa” của Marwyn Samuels theo đó: “Trong suốt thời kỳ 14 các đất nước ngoài thuyền hùng mạnh của Nhà Nguyên có đi tuần biển, nước ngoài Tiểu Bộ C Nam Hoa, Hoàng Sa Trường Sa không bị chiếm đóng và không thu thuế chi quyền lãnh thổ của Trung Quốc”.

Việt Nam còn được xác nhận trong cuốn Nguyên Sĩ Địa Lý Chí về địa điểm sau: “Còn nước ngoài của Trung Quốc đất Nhà Nguyên về phía Nam chỉ đất nước ngoài nước ngoài Hoàng Sa, và về phía Bắc không quá Sa Mạc Gobi”.

Hội Luật gia Việt Nam và Tranh chấp Biển Đông

Tác Giả: Luật Sĩ Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Năm, 16 Tháng 9 Năm 2010 14:08

Khôi hài và lố bịch hơn nữa, mới đây họ còn quăng búa trên họ hàng truyền hình quốc tế rằng, trong Chuyến Đi Thứ 6, Trừng Hòa đã vượt Thái Bình Dương, đến Đệ Dương và Đệ Tây Dương để khám phá Mỹ Châu năm 1421, trước Christopher Columbus 71 năm (1492)

Sở tuyên truyền dối trá này đã bị lố bịch và chửi rủa:

Theo cuốn Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ “từ 1405 đến 1433, phái bộ Trừng Hòa đã viếng thăm 37 quốc gia duyên hải tại Thái Bình Dương và đến Đệ Dương. Các địa điểm xa nhất là Vịnh Ba Tư, Biển Hồng Hải về phía tây bắc, và đông Phi Châu về phía các tây đến Đệ Dương”. Về lý, theo chính sách Trung Quốc, Chuyến Đi Thứ Sáu của Trừng Hòa chỉ kéo dài 7 tháng (từ tháng 2-1421 đến tháng 9-1421). Trong chuyến đi ngắn ngủi này Trừng Hòa chỉ đi tới Phúc Kiến đến Sumatra (Nam Dương). Không đó hai sĩ quan tùy viên Yang Ching và Hung Pao đã đi ra đi về khi còn cuộc hải trình.

Nghĩa là, trong thế kỷ 15, không có việc Trừng Hòa khám phá Mỹ Châu như Bộ Kinh khố ngụy tạo. Việc Columbus là người đầu tiên khám phá Mỹ Châu là một sự kiện lịch sử đã được nhân loại ghi nhận từ thế kỷ 16. Vậy mà ngày nay Trung Quốc dám sủa chửi Lịch Sử và bóp méo Sử Thuyết. Huống chi việc kiểm soát hàng hải để mở bé không có thông dân công và không tức vấp kinh tế một vùng hải phận xa xôi như Hoàng Sa Trường Sa.

Về hai chuyến lịch sử thông cho rằng Trừng Hòa đã khám phá Mỹ Châu năm 1421, và đã chiếm một Hoàng Sa Trường Sa năm 1413, chúng ta chỉ có thể kết luận:

Phải là người Đệ Hán có đũa ngọc (to gan lớn mật) mới dám lý luận chuyện hoang đường võng tung làm Sử Thuyết Lịch Sử.

Phê Đỉnh: Luật Pháp và Tranh chấp tại Biển Đông Nam Á

(Văn Thuyết ngày 14-7-1995 của Hội Luật gia Việt Nam tại California Gửi Tổng Thuyết Phi Luật Tân Fidel Ramos)

“Nhân danh Hội Luật gia Việt Nam tại California, chúng tôi xin trình bày cùng Tổng Thuyết về vấn đề tranh chấp tại quần đảo Trường Sa.

7 năm tr c đây, năm 1988, có tr n h i chi n gi a Vi t Nam và Trung Qu c t i vùng bi n Tr ng Sa. Trong đ p này Trung Qu c đòi ch quy n lãnh th t i các qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa, và đã chi m c m t s h i đ o gây nên mâu thu n và tranh ch p gi a Trung Qu c v i Vi t Nam và Phi Lu t Tân.

M i đây Trung Qu c còn l n chi m m t s c n, đá, bãi to l c t i th m l c đ a Phi Lu t Tân nh Mischief Reef, Half Moon Shoal, Sabina Shoal và Jackson Bank. Hành đ ng này đe đ a an ninh toàn vùng Đông Nam Á và c n tr s t do giao thông t i Bi n Nam Hoa.

T 3 năm tr c, năm 1992, Trung Qu c cũng đã xâm chi m vùng bi n t i Bãi T Chính (Vanguard Bank) mà h g i là Bãi V n An (Wanan Bei) đ t ti n nh ng quy n khai thác đ u khí cho Hãng Crestone. Vùng bãi này n m trong Th m L c Đ a Vi t Nam cách b bi n 190 h i lý v phía đ ng nam.

Phía đ ng Bãi T Chính là qu n đ o Tr ng Sa, đ i t ng tranh ch p gi a Trung Qu c, Vi t Nam, Phi Lu t Tân, Mã Lai, Nam D ng, Brunei và Đài Loan.

L i R ng Trung Qu c hình ch U, chi m 80% Bi n Nam Hoa, phía đ ng giáp Phi Lu t Tân, phía tây giáp Vi t Nam và phía nam giáp Mã Lai, Brunei và Nam D ng, đ m xa nh t cách Hoa L c 1100 h i lý (2000km). Hành đ ng nh v y Trung Qu c coi Bi n Nam Hoa là “n i h i” c a h cũng nh Đ Qu c La Mã ngày x a g i Đ a Trung H i là “Bi n C a Chúng Tôi” (Mare Nostrum).

Chi u Đ i u 57 Công c Liên Hi p Qu c v Lu t Bi n, các qu c gia duyên h i có đ c quy n đánh cá t i Vùng Đ c Quy n Kinh T 200 h i lý.

Chi u Đ i u 76 Công c Liên Hi p Qu c v Lu t Bi n, các qu c gia duyên h i có đ c quy n thăm dò và khai thác đ u khí t i th m l c đ a kéo dài t 200 h i lý đ n 350 h i lý, n u v m t đ a hình, đáy bi n là s ti p n i t nhiên c a n n l c đ a (continental margin) t đ t li n ra ngoài bi n. V m t pháp lý các qu c gia duyên h i đã ký k t hay tham gia Công c Liên Hi p Qu c v Lu t Bi n đ ng nhiên đ c h ng quy ch th m l c đ a pháp lý 200 h i lý.

Chi u Đ i u 77 Công c Liên Hi p Qu c v Lu t Bi n các qu c gia duyên h i có ch quy n tuy t đ i t i th m l c đ a đ thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Đây là đ c quy n chuyên h u theo đó không ai có quy n thăm dò và khai thác đ u khí n u không có s ng

thuộc mình thì các quốc gia chuyên hải. Nhưng quy định này không tùy thuộc vào điều kiện phi có sự chiếm cứ hay công bố mình thì.

Điều 81 Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển mà tôi đã xác nhận cho quy định tuy nhiên và điều quy định chuyên hải của quốc gia chuyên hải trong việc thăm dò và khai thác dầu khí, hay ký kết các công tác với các quốc gia để tham vấn điều chỉnh này.

Chiều nguyên tắc “các hiệp ước quốc tế phải được tôn trọng”, Điều 26 Công ước Vienna về Luật Hiệp ước (1969) quy định như sau: “Các hiệp ước quốc tế có hiệu lực chỉ hành động của các quốc gia ký kết phải ngay tình tuân thủ”. Ủy Ban Liên Hiệp Quốc về Luật Quốc Tế coi đó là “mặt nguyên tắc căn bản về Luật Hiệp ước, có lẽ là nguyên tắc quan trọng nhất trong công pháp quốc tế”.

Chiều nguyên tắc về giá trị thông lệ của Luật Quốc Tế đối với Luật Quốc Nội, các quốc gia ký kết phải thi hành như quy định họ và nghĩa vụ ghi trong các hiệp ước hay công ước quốc tế. Họ không thể viện dẫn luật quốc nội để khước từ thi hành nghĩa vụ của họ ghi trong các hiệp ước và công ước quốc tế mà họ đã ký kết hay tham gia.

Đó chính là trường hợp của Trung Quốc. Sau khi ký Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982, 10 năm sau, năm 1992, Bộ Kinh ban hành Luật Quốc Gia về Biển (Domestic Law of the Sea) xâm phạm chủ quyền lãnh thổ tại các Thềm Lục Địa của Việt Nam và Phi Luật Tân, cũng như tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhưng vì phạm luật biển phải đi trình Tòa Án Quốc Tế (The Hague) hay các Tòa Án Luật Biển thì tôi do Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển.

Mục đích quy định nhằm mục đích mâu thuẫn và tranh chấp về thềm lục địa, vùng hải phận hay hải đảo, các quốc gia để thông lệ phi, trước hết, tuân hành như quy định thông lệ hòa bình, hòa giải, thông lệ hay thông lệ tài.

Ngoài ra Tòa Án Quốc Tế cũng có thẩm quyền giải thích và áp dụng như quy định điều khoản trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển có hiệu lực chỉ hành động năm 1994.

Hội Luật gia Việt Nam và Tranh chấp Biển Đông

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ
Th#7913; N#259;m, 16 Th#225;ng 9 N#259;m 2010 14:08

Sự giải quyết tranh chấp biển ng pháp ôn hòa nh hòa giải, th ng ngh , tr ng tài hay t ng s giúp cho Đông Nam Á kh i bi n thành m t vùng tranh chấp th ng xuyên nh Trung Đông. Vì i vi c s d ng lu t pháp (pháp tr) thay th vi c s d ng võ l c (phi pháp), Đông Nam Á s có c may đ c h ng m t k nguyên hòa bình, n đ nh, h p tác và ph n th nh.

Nhân d p này chúng tôi cũng yêu c u các qu c gia h i viên trong Hi p H i Các Qu c Gia Đông Nam Á ra quy t đ nh đ i danh x ng Bi n Nam Hoa thành Bi n Đông Nam Á. Danh x ng Nam H i ch áp d ng cho Trung Qu c. Đ i v i Vi t Nam, nó có tên là Đông H i. Đ i v i Tân Gia Ba, Nam D ng, Mã Lai và Brunei, nó là B c H i. Đ i v i Phi Lu t Tân nó là Bi n Tây.

H n n a danh x ng Bi n Nam Hoa có th b ng nh n và gi i thích sai l c là Bi n c a n c Trung Hoa v phía Nam.

Hãy tr Caesar nh ng gì c a Caesar.

Hãy tr Bi n Đông Nam Á cho các Qu c Gia Đông Nam Á.

Chúng tôi xin cảm n s chú tâm c a T ng Th ng v v n đ này.

*Thay m t H i Lu t Gia Vi t Nam t i California
Lu t S Nguyễn Hữu Thọ, Ch T ch*